

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16-4-2024

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trương Hồng Thắm**

Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: **Ông Hoàng Văn Quỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: **Bà Lê Thị Thúy A**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn BL, xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- Bị đơn: **Ông Lê Văn B**, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn BL, xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 9 năm 2023, bản tự khai và biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thúy A trình bày:

Bà Lê Thị Thị Thúy A và ông Lê Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 23 tháng 02 năm 2004. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2008 giữa bà A và ông B phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông B không chăm lo cho gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói

chung, cuộc sống ngọt ngào và mâu thuẫn giữa bà A và ông B kéo dài. Nay bà A xác định tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc từ lâu không còn ai quan tâm đến ai. Do đó, bà A đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết được ly hôn với ông B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà A và ông B có 03 người con chung là Lê Thị C, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2004; Lê Thị D, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2008 và Lê Quang Đ, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2016. Sau khi ly hôn, bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thị D và Lê Quang Đ cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Đối với người con chung là Lê Thị C đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 15 tháng 01 năm 2024 của cháu Lê Thị D trình bày:

Cháu là con ruột của bà A, ông B, hiện nay cháu 16 tuổi và đang học lớp 10 tại Trường THPT ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, cháu có biết việc mẹ yêu cầu ly hôn với bố tại Tòa án. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì cháu không biết nhưng thấy bố mẹ hay cãi vã, gây gổ với nhau. Hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ. Nay bố mẹ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì cháu muốn được ở cùng với mẹ. Đây là nguyện vọng của cháu trên tinh thần tự nguyện và không bị ai ép buộc gì, vì mẹ là người chăm sóc, lo lắng cho cháu nhiều hơn bố.

Tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 15 tháng 01 năm 2024 của cháu Lê Quang Đ trình bày:

Cháu là con ruột của bà A, ông B, năm nay cháu 07 tuổi và đang học lớp 2, trường Trung học cơ sở ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, cháu có biết việc mẹ yêu cầu ly hôn với bố tại Tòa án nhưng không biết nguyên nhân vì sao vì do cháu còn nhỏ. Hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ. Nay mẹ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bố thì cháu muốn được ở cùng với mẹ. Đây là nguyện vọng của cháu trên tinh thần tự nguyện và không bị ai ép buộc gì, vì mẹ là người chăm sóc, lo lắng cho cháu nhiều hơn bố.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự

thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 36; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Thúy A.

Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Thị D, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2008 và Lê Quang Đ, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2016 cho bà Lê Thị Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Đối với người con chung Lê Thị C, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2004 đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xác định đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” do bà Lê Thị Thúy A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Lê Văn B cư trú tại: Thôn BL, xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 36; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Lê Văn B vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, nên xem như ông B từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà A cho thấy, bà và ông B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 23 tháng 02 năm 2004. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi, ông B không chăm lo cho gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống ngột ngạt và mâu thuẫn giữa bà A và ông B kéo dài. Nay bà A xác định tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc từ lâu không còn

ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa, bà A trình bày bà và ông B đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hơn nữa, mặc dù tại phiên tòa không có mặt ông B nhưng từ lâu vợ chồng không còn ai quan tâm gì đến ai. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà A và ông B có 03 người con chung là Lê Thị C, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2004; Lê Thị D, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2008 và Lê Quang Đ, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2016. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như Biên bản lấy lời khai, bản tự khai của bà A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Lê Thị D và Lê Quang Đ cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, đối với người con chung là Lê Thị Thắm đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phía cháu Trang và cháu Phú cũng có lời khai và nguyện vọng được sống chung với bà A. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, nghĩ cần thiết phải giao con chung là Lê Thị D, và Lê Quang Đ cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm**: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy A về việc tranh chấp “Ly hôn”.

2. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Thúy A được ly hôn với ông Lê Văn B.

- *Về con chung*: Giao con chung Lê Thị D và Lê Quang Đ cho bà Lê Thị Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008009 ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập
- UBND xã ĐK;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Văn Phú Vinh